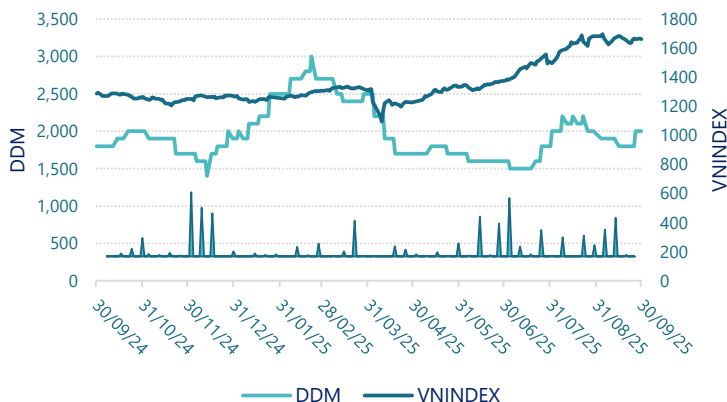




CTCP Hàng hải Đông Đô (UPCOM: DDM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,400
SL cổ phiếu LH	12,244,492
KLGD BQ 20 phiên (CP)	495
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	24
P/E	0.1
EPS	15,484

DT thuần

Q3/25

48.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.60| -15.1%

YoY: ▼18.1| -27.3%

LN sau thuế

Q3/25

94.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲74.2| 360%

YoY: ▲94.4| 23020%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

203%

+/- YoY: ▲197%

DT thuần

9T 2025

172

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.0| -7.4%

LN sau thuế

9T 2025

100

tỷ VNĐ

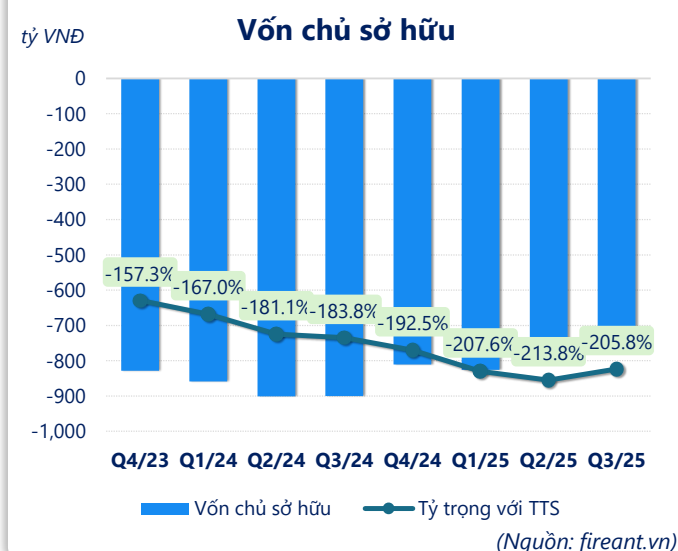
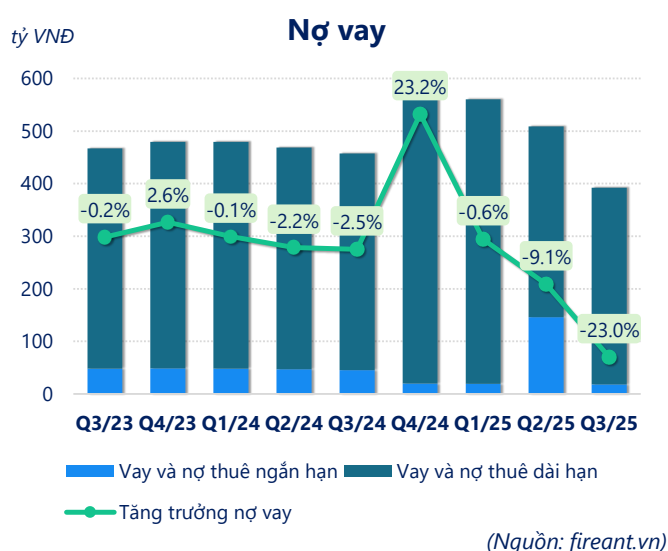
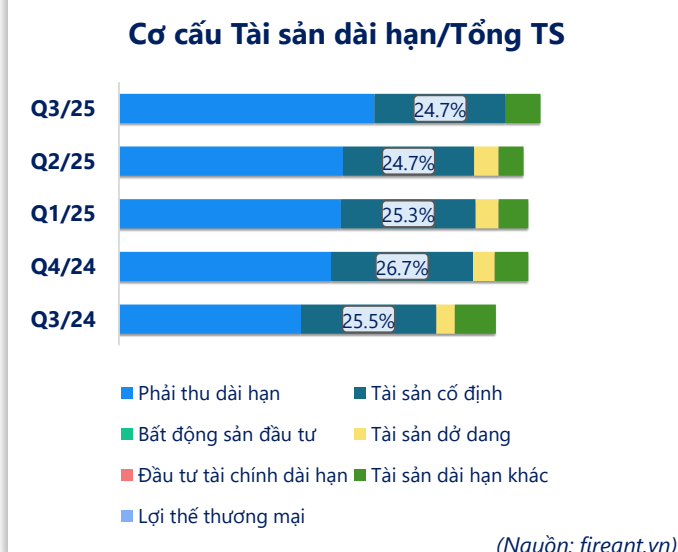
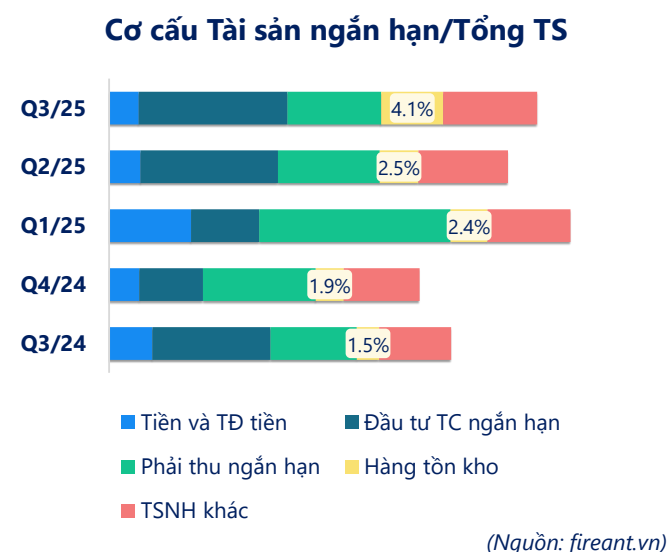
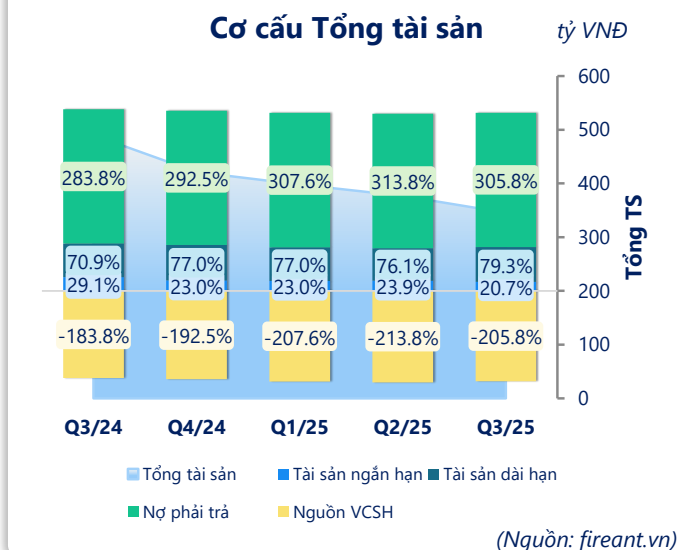
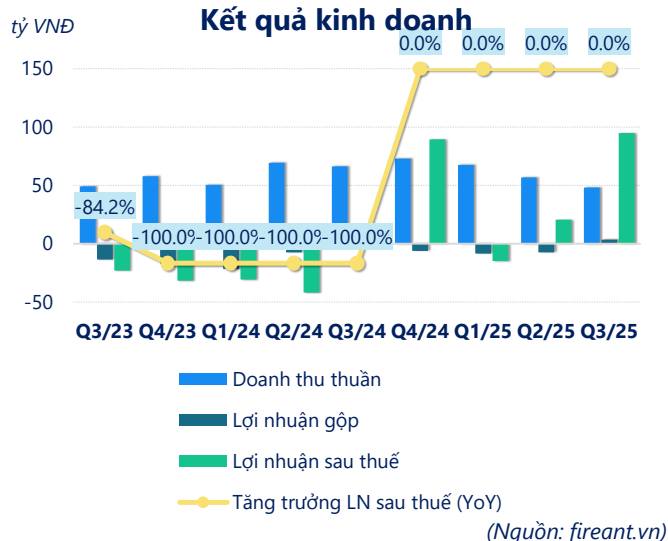
YoY: ▲172| 239%

ROE

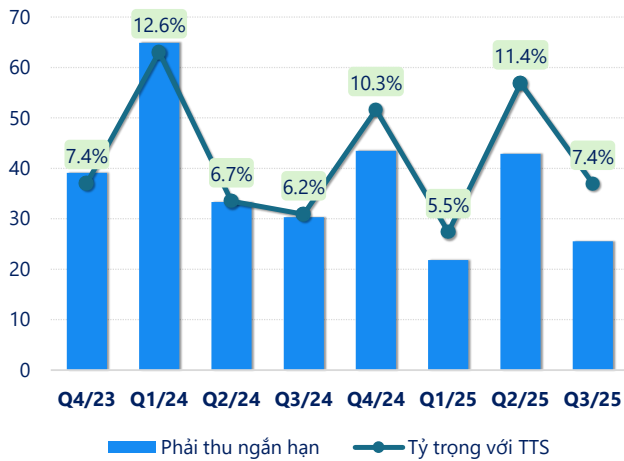
Q3/25

-23.5%

+/- YoY: ▼35.8%

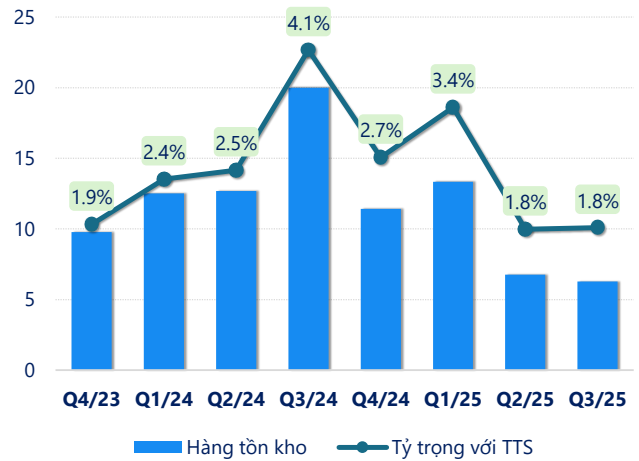


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


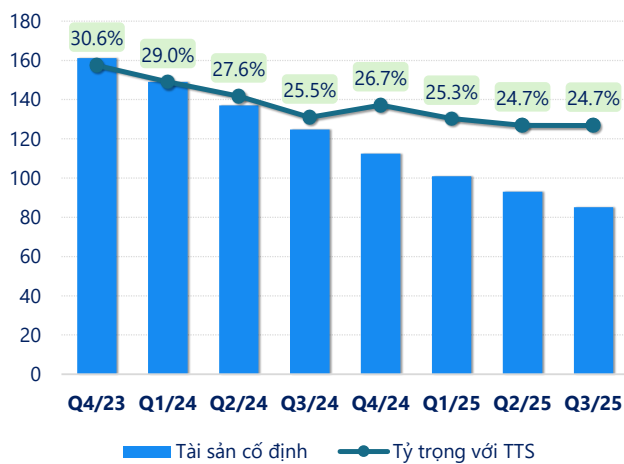
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


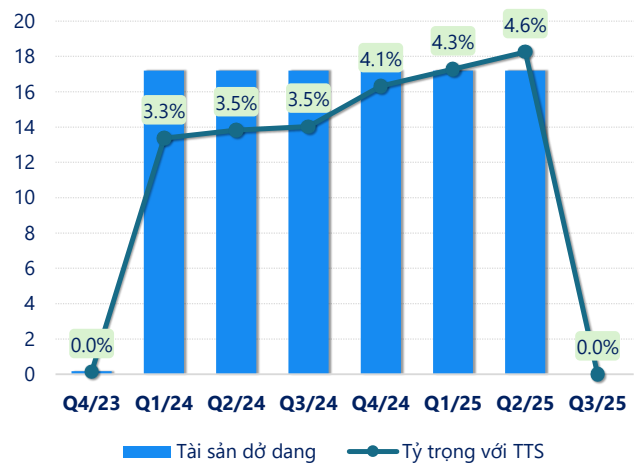
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

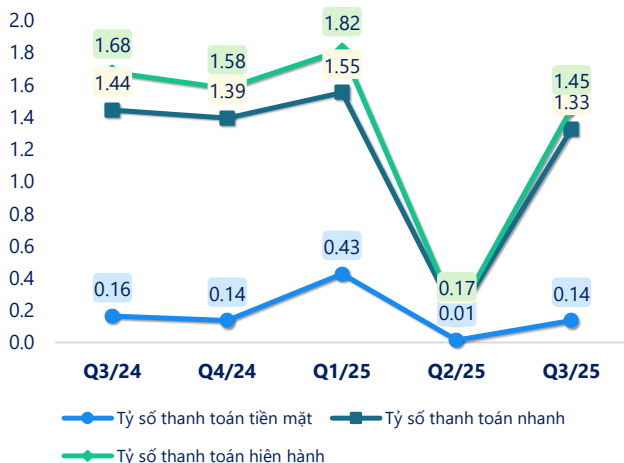
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

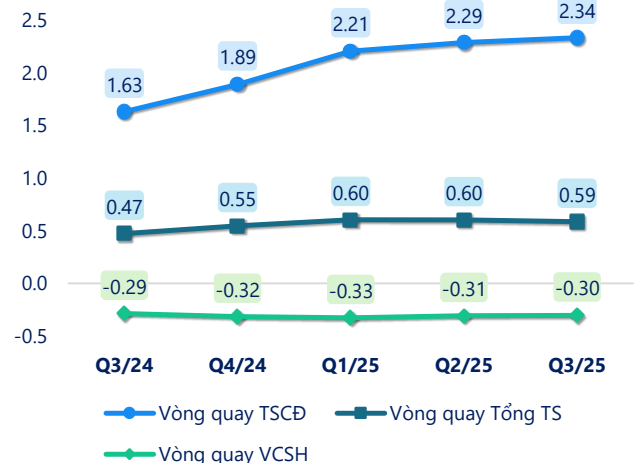
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	490	421	398	377	345
Tài sản ngắn hạn	143	96.9	91.7	90.1	71.6
Tiền và tương đương tiền	14.0	8.40	21.5	7.77	6.70
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.0	2.50	2.50	2.50	2.50
Phải thu ngắn hạn	30.3	43.5	21.8	42.9	25.5
Hàng tồn kho	20.0	11.4	13.3	6.77	6.27
Tài sản ngắn hạn khác	30.3	31.1	32.5	30.2	30.6
Tài sản dài hạn	347	324	306	287	274
Phải thu dài hạn	168	168	166	159	166
Tài sản cố định	125	112	101	93.0	85.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	17.2	17.2	17.2	17.2	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	37.8	26.7	22.2	17.8	22.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,391	1,233	1,224	1,182	1,056
Nợ ngắn hạn	85.0	61.4	50.5	527	49.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.0	19.6	19.0	146	17.9
Phải trả người bán ngắn hạn	26.6	21.7	14.9	34.4	18.4
Nợ dài hạn	1,306	1,171	1,174	655	1,007
Vay và nợ thuê dài hạn	412	544	541	363	374
Nguồn vốn chủ sở hữu	-901	-811	-826	-806	-711
Vốn chủ sở hữu	-901	-811	-826	-806	-711
Vốn điều lệ	122	122	122	122	122
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)